TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2024/HNGĐ - ST Ngày: 07 - 3 - 2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ninh Thị N, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh S, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 76/2023/QĐDS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ninh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh S tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/8/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt gia đình, nên giữa vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có hạnh phúc. Đến năm 2015 thì anh S đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, không nói cho chị và gia đình biết. Từ khi anh S bỏ đi, chị và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức, nên chị có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố anh S mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm anh S trên B và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh S, nên ngày 10/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố anh S mất tích. Đến nay chị vẫn không có tin tức xác thực về anh S, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 02/01/2011, con hiện nay đang ở với chị. Nguyện vọng của chị N là xin được trực tiếp nuôi con; chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh S đã mất tích.

Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh S là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về anh S, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2024 cháu Nguyễn Thị Thanh N1 có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị N), nếu bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh lập ngày 27/12/2023, đại diện UBND xã T cho biết: Chị Ninh Thị N và anh Nguyễn Mạnh S có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 31/8/2009. Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 2011, con hiện nay đang ở với chị N. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm bắt được do gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở. Hiện nay anh S đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vắng mặt trong

suốt quá trình giải quyết vụ án, là thực hiện chưa đầy đủ Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét vi phạm đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ninh Thị N. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Ninh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh S.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1 cho chị Ninh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Ninh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ninh Thị N khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh S, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh S đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Qúa trình giải quyết vụ án không có tin tức xác thực về anh S, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn là chị Ninh Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị N và anh Nguyễn Mạnh S tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo

quy định, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ năm 2015 anh S đã bỏ nhà đi biệt tích; Chị N đã tìm kiếm nhiều nơi, nhưng không có tin tức xác thực về anh S, nên có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh S mất tích. Tại Quyết định số 76/2023/QĐDS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết tuyên bố anh Nguyễn Mạnh S là người mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh S đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay chị N có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn",* nên chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị Ninh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh S.

[3] Về con chung: Chị Ninh Thị N và anh Nguyễn Mạnh S có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 02/01/2011.

Xét: Anh S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, hiện tại không có tin tức, không biết hiện đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Qúa trình giải quyết vụ án, con chung là cháu N1 có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị N); hơn nữa thực tế hiện tại con chung cũng đang ở ổn định với chị N, được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con, cần chấp nhận đề nghị của chị N, giao con chung cho chị Ninh Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh S là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ; chị N có ý kiến không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng, đây là sự tự nguyện của chị N và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chi Ninh Thị N có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong khi anh Nguyễn Mạnh S là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ, do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ninh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ninh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh S.

2. Về con chung: Chị Ninh Thị N và anh Nguyễn Mạnh S có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 02/01/2011.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1 cho chị Ninh Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Mạnh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Mạnh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ninh Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004961 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Ninh Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Lâm;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến